TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, môi trường

Tháng 6 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Bù trừ lương	Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương		Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**66**		**41.040.001**				**3**	**1.220.231**			**0,30**	**480.000**	**42.740.232**	**2.538.200**	**476.000**	**317.400**	**394.100**	**165.000**			**3.890.700**	**38.849.532**	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	11.446.000	22	B	14.740.737	29.446			1	440.231					15.210.414	915.700	171.700	114.500	140.100	55.000			1.397.000	13.813.414	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	10.483.000	22	A	13.149.632	-14.723			1	403.192			0,30	480.000	14.018.101	838.700	157.300	104.900	129.200	55.000			1.285.100	12.733.001	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	9.797.000	22	A	13.149.632	-14.723			1	376.808					13.511.717	783.800	147.000	98.000	124.800	55.000			1.208.600	12.303.117	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**185**		**78.584.000**		**17**	**3.946.423**	**12**	**2.703.886**	**79.646**	**3.150.000**			**88.463.955**	**4.278.600**	**802.600**	**534.900**	**828.500**	**495.000**	**1.239.000**	**910.000**	**9.088.600**	**79.375.355**	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.818.000	16	A	6.796.454	-1.044.238	6	1.573.385	1	262.231		900.000			8.487.832	545.500	102.300	68.200	77.700	55.000			848.700	7.639.132	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	5.609.000	23	A	9.769.903	-2.301.399	4	862.923	1	215.731					8.547.158	448.800	84.200	56.100	79.600	55.000			723.700	7.823.458	
6	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	22	A	9.345.124	247.469			1	215.731					9.808.324	448.800	84.200	56.100	92.200	55.000	310.000	910.000	1.956.300	7.852.024	
7	HL-00149	Phạm Văn Son	Chuyên viên	6.184.000	22	A	9.345.124	666.522			1	237.846					10.249.492	494.800	92.800	61.900	96.000	55.000	582.000		1.382.500	8.866.992	
8	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	5.609.000	23	A	9.769.903	603.664			1	215.731					10.589.298	448.800	84.200	56.100	100.000	55.000			744.100	9.845.198	
9	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.609.000	22	A	9.345.124	666.522			1	215.731		900.000			11.127.377	448.800	84.200	56.100	105.400	55.000			749.500	10.377.877	
10	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.609.000	12	A	5.097.341	247.469	7	1.510.115	4	862.923					7.717.848	448.800	84.200	56.100	71.300	55.000	347.000		1.062.400	6.655.448	
11	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.818.000	23	A	9.769.903	666.522			1	262.231		1.350.000			12.048.656	545.500	102.300	68.200	113.300	55.000			884.300	11.164.356	
12	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.609.000	22	A	9.345.124	247.469			1	215.731	79.646				9.887.970	448.800	84.200	56.100	93.000	55.000			737.100	9.150.870	
Tổng cộng					**251**		**119.624.001**		**17**	**3.946.423**	**15**	**3.924.117**	**79.646**	**3.150.000**	**0,30**	**480.000**	**131.204.187**	**6.816.800**	**1.278.600**	**852.300**	**1.222.600**	**660.000**	**1.239.000**	**910.000**	**12.979.300**	**118.224.887**	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**